

BẢNG SO SÁNH THÔNG TƯ 23/2013/TT-NHNN VÀ DỰ THẢO THÔNG TƯ

STT	Nội dung Thông tư số 23/2013/TT-NHNN và Thông tư 41/2015/TT-NHNN sửa đổi một số điều của Thông tư 23/2013/TT-NHNN	Nội dung dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.</p>	Giữ nguyên
2	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bao gồm các ngân hàng thương mại nhà nước và các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là các tổ chức tín dụng nhà nước). Các tổ chức tín dụng nhà nước không phải thực hiện quy định về duy trì tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian đang bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt.</p> <p>2. Ngân hàng Chính sách xã hội.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội bao gồm các ngân hàng thương mại do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là các tổ chức tín dụng nhà nước). Các tổ chức tín dụng nhà nước không phải thực hiện quy định về duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) quyết định kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 5 Thông tư này.</p> <p>2. Ngân hàng Chính sách xã hội.</p>	Sửa đổi khoản 1 để phù hợp với quy định về TCTD được kiểm soát đặc biệt tại Thông tư số 11/2019/TT-NHNN ngày 02/8/2019 quy định về kiểm soát đặc biệt đối với TCTD.
3	<p>Điều 3. Số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì tại Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Hàng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước có trách nhiệm duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước.</p> <p>2. Số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước bao gồm: Tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, các hình thức nhận tiền gửi khác của cá nhân, tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng; phát hành trái phiếu để huy động vốn từ cá nhân, tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh</p>	<p>Điều 3. Số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì tại Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Hàng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước có trách nhiệm duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước.</p> <p>2. Số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước bao gồm:</p> <p>a) Tiền gửi của tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam) và cá nhân tại tổ chức tín dụng nhà nước dưới các hình thức: tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi vốn chuyên dùng;</p> <p>b) Tiền tổ chức tín dụng nhà nước thu được từ phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu;</p>	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 về cách tính số dư tiền gửi nguồn vốn huy động theo hướng quy định rõ ràng, thống nhất với phụ lục 01 và phù hợp với phạm vi thống kê số dư tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc.

STT	Nội dung Thông tư số 23/2013/TT-NHNN và Thông tư 41/2015/TT-NHNN sửa đổi một số điều của Thông tư 23/2013/TT-NHNN	Nội dung dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	ngân hàng nước ngoài).	<p>c) Tiền gửi khác tại tổ chức tín dụng nhà nước theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận (trừ tiền ký quỹ; tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam).</p> <p>3. Xử lý các trường hợp bổ sung, rút bớt hoặc rút toàn bộ số dư tiền gửi 2% của tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội:</p> <p>a) Trường hợp số dư tiền gửi 2% phải duy trì trong năm kế tiếp lớn hơn số dư tiền gửi 2% của năm trước, thì tổ chức tín dụng nhà nước phải bổ sung số dư tiền gửi 2% bằng số tiền chênh lệch lớn hơn;</p> <p>b) Trường hợp số dư tiền gửi 2% phải duy trì trong năm kế tiếp nhỏ hơn số dư tiền gửi 2% của năm trước, thì tổ chức tín dụng nhà nước được rút bớt số tiền gửi 2% bằng với số chênh lệch nhỏ hơn hoặc tiếp tục duy trì số dư tiền gửi 2% của năm trước;</p> <p>c) Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt khi đang duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội, thì tổ chức tín dụng nhà nước được rút toàn bộ số dư tiền gửi này tại Ngân hàng Chính sách xã hội;</p> <p>d) Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được chấm dứt kiểm soát đặc biệt, thì tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Thông tư này.</p>	Bổ sung điểm c, d khoản 3 để quy định trường hợp TCTD nhà nước thực hiện rút tiền tại NHCSXH khi được kiểm soát đặc biệt và gửi tiền 2% khi được chấm dứt kiểm soát đặc biệt.
4	<p>Điều 4. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam được xác định như sau:</p> <p>Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội (%/năm)</p> <p>(a) = Lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước (%/năm) (b) + Phí huy động vốn (%/năm) (c)</p>	<p>Điều 4. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam được xác định như sau:</p> <p>Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội (%/năm)</p> <p>(a) = Lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước (%/năm) (b) + Phí huy động vốn (%/năm) (c)</p>	

STT	Nội dung Thông tư số 23/2013/TT-NHNN và Thông tư 41/2015/TT-NHNN sửa đổi một số điều của Thông tư 23/2013/TT-NHNN	Nội dung dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>Trong đó:</p> <p>(b) Là bình quân chung của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước của các tổ chức tín dụng nhà nước, được tính toán theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.</p> <p>(c) Là chi phí huy động vốn bình quân do Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng nhà nước thỏa thuận nhưng tối đa là 1,35%/năm.</p> <p>2. Trường hợp lãi suất huy động vốn của các tổ chức tín dụng nhà nước có sự biến động lớn so với lãi suất tại thời điểm thông báo trước đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét điều chỉnh mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng nhà nước hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội và thông báo cho các tổ chức tín dụng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong thời gian còn lại trong năm. Lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung điều chỉnh là lãi suất bình quân chung của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm điều chỉnh, được tính theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.</p>	<p>Trong đó:</p> <p>(b) Là bình quân chung của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước của các tổ chức tín dụng nhà nước, được tính toán theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.</p> <p>(c) Là chi phí huy động vốn bình quân do Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng nhà nước thỏa thuận nhưng tối đa là 1,30%/năm.</p> <p>2. Căn cứ biểu số dư nguồn vốn huy động và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư do các tổ chức tín dụng nhà nước gửi, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) tính toán mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước và thông báo cho các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội trước ngày 31 tháng 01 hàng năm để làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong năm.</p> <p>3. Trường hợp lãi suất huy động vốn của các tổ chức tín dụng nhà nước có sự biến động lớn so với lãi suất tại thời điểm thông báo trước đó, Ngân hàng Nhà nước xem xét điều chỉnh mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng nhà nước hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội và thông báo cho các tổ chức tín dụng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong thời gian còn lại trong năm. Lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung điều chỉnh là lãi suất bình quân chung của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm ngay trước thời điểm điều chỉnh, được tính theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.</p>	<p>- Giảm phí huy động vốn tối đa từ mức 1,35%/năm xuống mức 1,30%/năm nhằm mục đích chia sẻ khó khăn với NHCSXH trong việc thực hiện nhiệm vụ về giảm nghèo nhanh và bền vững, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội tại địa phương.</p> <p>- Bổ sung khoản 2 quy định việc NHNN tính toán mức lãi suất huy động vốn bằng VND bình quân chung của các TCTD nhà nước tại thời điểm ngày 31/12 năm trước làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong năm.</p>

STT	Nội dung Thông tư số 23/2013/TT-NHNN và Thông tư 41/2015/TT-NHNN sửa đổi một số điều của Thông tư 23/2013/TT-NHNN	Nội dung dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	3. Kỳ hạn trả lãi tiền gửi do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với các tổ chức tín dụng nhà nước phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương pháp tính, trả lãi.	4. Kỳ tính lãi tiền gửi do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với các tổ chức tín dụng nhà nước phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.	
5	<p>Điều 5. Quy trình, thủ tục gửi tiền tại Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Các tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và các phụ lục hợp đồng được ký giữa tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>2. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước gửi biểu số dư nguồn vốn huy động và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn bằng đồng Việt Nam theo phụ lục 01 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) tính toán và thông báo mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước cho các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội trước ngày 31 tháng 01 hằng năm để làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong năm.</p> <p>3. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước gửi biểu xác định số dư tiền gửi trong năm theo phụ lục 02 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu. Chậm nhất ngày 10 tháng 02 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội.</p>	<p>Điều 5. Thủ tục gửi tiền, rút tiền tại Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Các tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo hợp đồng tiền gửi và các phụ lục hợp đồng được ký giữa tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>2. Chậm nhất ngày 01 tháng 3 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>3. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày lập báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của tổ chức tín dụng nhà nước, căn cứ vào báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện rà soát, điều chỉnh số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này.</p>	<p>Sửa đổi một số quy định về thủ tục gửi tiền, rút tiền tại NHCSXH theo hướng: (i) Thay đổi thời điểm các TCTD nhà nước và NHCSXH phải hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi 2% tại NHCSXH và thời điểm NHCSXH phải báo cáo NHNN cho phù hợp với tình hình thực tế, do các thời điểm quy định tại Thông tư 23 thường bị trùng vào dịp tết âm lịch, nên các TCTD và NHCSXH gặp khó khăn trong việc triển khai quy định; (ii) Bổ sung quy định hướng dẫn việc rút tiền gửi 2% đối với TCTD nhà nước được kiểm soát đặc biệt và quy định về gửi tiền 2% đối với TCTD nhà nước được chấm dứt kiểm soát đặc</p>

STT	Nội dung Thông tư số 23/2013/TT-NHNN và Thông tư 41/2015/TT-NHNN sửa đổi một số điều của Thông tư 23/2013/TT-NHNN	Nội dung dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>4. Chậm nhất ngày 15 tháng 02 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế). Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày lập báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của tổ chức tín dụng nhà nước, căn cứ vào báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện rà soát, điều chỉnh số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế).</p>	<p>4. Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt trong khi đang duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện tất toán hợp đồng tiền gửi trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước quyết định kiểm soát đặc biệt. Tổ chức tín dụng nhà nước được rút toàn bộ số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày tất toán hợp đồng tiền gửi.</p> <p>5. Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được chấm dứt kiểm soát đặc biệt, thì tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Thông tư này kể từ năm tiếp theo năm tổ chức tín dụng nhà nước được Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt.</p>	<p>biệt.</p>
6		<p>Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nhà nước</p> <p>a) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, tổ chức tín dụng nhà nước gửi biểu số dư nguồn vốn huy động và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) hoặc khi Ngân hàng Nhà nước có yêu cầu;</p> <p>b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, tổ chức tín dụng nhà nước gửi biểu xác định số dư tiền gửi trong năm theo Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Chính sách xã hội;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu gửi Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội;</p> <p>d) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội đúng thời hạn.</p>	<p>Bổ sung quy định về trách nhiệm của TCTD nhà nước và NHCSXH trong việc duy trì tiền gửi 2% và báo cáo NHNN.</p>

STT	Nội dung Thông tư số 23/2013/TT-NHNN và Thông tư 41/2015/TT-NHNN sửa đổi một số điều của Thông tư 23/2013/TT-NHNN	Nội dung dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>2. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>a) Phối hợp với các tổ chức tín dụng nhà nước hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội đúng thời hạn;</p> <p>b) Báo cáo kết quả việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước theo Phụ lục 03 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) chậm nhất vào ngày 05 tháng 3 hằng năm;</p> <p>c) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn tất việc rà soát, điều chỉnh số dư tiền gửi 2% trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) về việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước theo Phụ lục 04 kèm theo Thông tư này.</p>	
7	<p>Điều 5a. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>1. Vụ Chính sách tiền tệ làm đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc duy trì số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình triển khai Thông tư này.</p> <p>2. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế phối hợp theo dõi tình hình duy trì số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội để phục vụ cho công tác quản lý, theo dõi và phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách nhà nước.</p>	<p>Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước</p> <p>1. Vụ Chính sách tiền tệ có trách nhiệm</p> <p>a) Tính toán và thông báo mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung để làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi 2%;</p> <p>b) Đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình triển khai Thông tư này.</p> <p>2. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế phối hợp theo dõi tình hình duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội để phục vụ cho công tác quản lý, theo dõi và phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách nhà nước.</p>	<p>Bổ sung trách nhiệm của Vụ CSTT trong việc tính toán và thông báo mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung như đang thực hiện để quy định được rõ ràng, cụ thể hơn.</p>

STT	Nội dung Thông tư số 23/2013/TT-NHNN và Thông tư 41/2015/TT-NHNN sửa đổi một số điều của Thông tư 23/2013/TT-NHNN	Nội dung dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>3. Cơ quan Thanh tra giám sát, ngân hàng có trách nhiệm:</p> <p>a) Theo dõi, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.</p> <p>b) Căn cứ kết luận thanh tra, thông báo nội dung vi phạm, việc xử lý vi phạm quy định tại Thông tư này (nếu có) tới các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để biết, phối hợp xử lý theo chức năng, nhiệm vụ.</p>	<p>3. Cơ quan Thanh tra giám sát, ngân hàng có trách nhiệm</p> <p>a) Theo dõi, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Căn cứ kết luận thanh tra, thông báo nội dung vi phạm, việc xử lý vi phạm quy định tại Thông tư này (nếu có) tới các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước để biết, phối hợp xử lý theo chức năng, nhiệm vụ.</p>	
8	<p>Điều 6. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2014. Thông tư số 04/2003/TT-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội hết hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>	<p>Điều 8. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.</p> <p>2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành:</p> <p>a) Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội;</p> <p>b) Thông tư số 41/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19 tháng 11 năm 2013.</p> <p>3. Đối với các hợp đồng tiền gửi được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tiền gửi phù hợp với quy định tại Thông tư này.</p>	
9		<p>Điều 9. Tổ chức thực hiện</p> <p>Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.</p>	

BẢN THUYẾT MINH

Về việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19/11/2013 quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Cơ sở để đề xuất ban hành Thông tư

- Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19/11/2013 và Thông tư số 41/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23 (gọi chung là Thông tư 23) được ban hành nhằm tạo khung khổ pháp lý cho các tổ chức tín dụng (TCTD) nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo quy định tại Điều 8 Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Thời gian qua, NHNN đã nhận được một số ý kiến của TCTD nhà nước và NHCSXH phản ánh về các vướng mắc liên quan đến quy định tại Thông tư 23, như chưa quy định thống nhất phạm vi xác định số dư tiền gửi, phí huy động vốn...

- Trong quá trình nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan, NHNN nhận thấy cần xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung để tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện quy định duy trì số dư tiền gửi 2%.

2. Căn cứ Luật NHNN, Luật các TCTD, các quy định của pháp luật liên quan, tình hình triển khai thực tế và để hoàn thiện khung khổ pháp luật phù hợp, chặt chẽ cho việc thực hiện quy định duy trì số dư tiền gửi của TCTD nhà nước tại NHCSXH, NHNN dự thảo Thông tư thay thế trên cơ sở kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 23 và chỉnh sửa, bổ sung một số quy định cụ thể như sau:

2.1. Sửa đổi nội dung “Các TCTD nhà nước không phải thực hiện quy định về duy trì số dư tiền gửi 2% tại NHCSXH trong thời gian đang bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt” theo hướng phù hợp với quy định về TCTD được kiểm soát đặc biệt tại Thông tư số 11/2019/TT-NHNN ngày 02/8/2019 quy định về kiểm soát đặc biệt đối với TCTD.

2.2. Sửa đổi, bổ sung nội dung về cách tính số dư tiền gửi nguồn vốn huy động theo hướng quy định rõ ràng, thống nhất với phụ lục 01 Thông tư 23 và phù hợp với phạm vi thống kê số dư tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc. Theo đó, số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam của các TCTD nhà nước bao gồm: (i) Tiền gửi của tổ chức (không bao gồm TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam) và cá nhân tại TCTD nhà nước dưới các hình thức: tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi vốn chuyên dùng (quy định này bao gồm cả tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại TCTD nhà nước); (ii) Tiền TCTD nhà nước thu được từ phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; (iii) Tiền gửi khác tại TCTD nhà nước theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền

theo thỏa thuận (trừ tiền ký quỹ; tiền gửi của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam).

2.3. Sửa đổi quy định về phí huy động vốn tối đa từ mức 1,35%/năm xuống 1,30%/năm, vì: Phù hợp với thực tế năm 2020 và năm 2021 TCTD nhà nước và NHCSXH đã thỏa thuận mức phí huy động vốn là 1,30%/năm. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh giảm mức phí huy động vốn nhằm mục đích chia sẻ khó khăn với NHCSXH trong việc thực hiện nhiệm vụ về giảm nghèo nhanh và bền vững, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội tại địa phương.

2.4. Sửa đổi một số quy định về thủ tục gửi tiền, rút tiền tại NHCSXH theo hướng: *(i)* Thay đổi thời điểm các TCTD nhà nước và NHCSXH phải hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi 2% tại NHCSXH và thời điểm NHCSXH phải báo cáo NHNN cho phù hợp với tình hình thực tế, do các thời điểm quy định tại Thông tư 23 thường bị trùng vào dịp tết âm lịch, nên các TCTD và NHCSXH gặp khó khăn trong việc triển khai quy định; *(ii)* Bổ sung quy định hướng dẫn việc rút tiền gửi 2% đối với TCTD nhà nước được kiểm soát đặc biệt và quy định về gửi tiền 2% đối với TCTD nhà nước được chấm dứt kiểm soát đặc biệt.

2.5. Chính sửa phụ lục 01, 02 và bổ sung phụ lục 03, 04 về mẫu báo cáo thực hiện việc duy trì tiền gửi 2% để tạo thuận lợi cho các đơn vị gửi báo cáo./.
